TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 18Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 46/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 19/5/2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Nga;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hiền.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 419/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ D, ấp Đ, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ D, ấp Đ, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 13/3/2026 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) vào năm 2009 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16, quyển số 01/2009 ngày 24/02/2009. Hôn nhân giữa hai người là tự nguyện. Trong quá trình chung sống, đến khoảng đầu năm 2025 giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn. Ông H xác định vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống do không hòa hợp về tính cách. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không

còn hạnh phúc và không thể hàn gắn. Hiện nay, ông H và bà L không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đã không còn chung sống và ly thân được khoảng gần 01 năm nay. Xét thấy, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà L.

Về con chung: Ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L có 04 người con chung tên: Nguyễn Lê Trà M, sinh ngày 22/01/2009, Nguyễn Lê Ngọc Y, sinh ngày 25/10/2010, Nguyễn Lê Trâm A, sinh ngày 01/01/2014 và Nguyễn Lê Thái S, sinh ngày 14/12/2015. Ông Nguyễn Văn H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung và không yêu cầu bà Lê Thị L phải cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện kinh tế, ông H hoàn toàn đủ khả năng nuôi dưỡng các con nhờ nguồn thu nhập ổn định từ việc khai thác mủ cao su gia đình, trung bình khoảng 40.000.000 đồng/tháng. Về nơi ở, hiện ông và các con đang sinh sống ổn định trong căn nhà được xây dựng trên diện tích đất do cha mẹ ruột tặng cho.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn H không có tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Kê Thị L1 trình bày: Thống nhất lời trình bày cũng như yêu cầu của nguyên đơn. Bà Lý B công việc không tham gia phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Các đương sự tranh chấp ly hôn và nuôi con, bị đơn cư trú tại: Tổ D, ấp Đ, xã L, Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1

Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông H và bị đơn bà L1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà L1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[1.3] Về chứng cứ: Quá trình tố tụng, bị đơn bà L1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tòa án đã tổ chức phiên họp công khai giao nộp và tiếp cận chứng cứ ngày 05/5/2026, gửi kết quả cho các đương sự nhưng không ai có ý kiến thắc mắc, không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác, ngoài chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn H và bị đơn bà Lê Thị L trên cơ sở tự nguyện đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) vào năm 2009 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16 ngày 24/02/2009. Như vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp.

Ông H trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp về tính cách, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể hàn gắn. Hiện nay, ông H và bà L không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đã không còn chung sống và ly thân được khoảng gần 01 năm nay.

Xét thấy, để có căn cứ xác định lời trình bày của ông H về trình trạng mâu thuẫn hôn nhân vợ chồng. Tòa án đã tiến hành triệu tập bà L để làm rõ lời trình bày của ông H và tổ chức hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng bà L không tham gia và có văn bản trình bày ý kiến thống nhất lời trình bày của nguyên đơn cũng như mâu thuẫn vợ chồng và đồng ý ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông H và bà L có 04 người con chung tên: Nguyễn Lê Trà M, sinh ngày 22/01/2009; Nguyễn Lê Ngọc Y, sinh ngày 25/10/2010; Nguyễn Lê Trâm A, sinh ngày 01/01/2014 và Nguyễn Lê Thái S, sinh ngày 14/12/2015. Khi ly hôn, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 04 người con chung nêu trên và không có yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, tại Biên bản lấy ý kiến của các cháu Nguyễn Lê Trà M, Nguyễn Lê Ngọc Y, Nguyễn Lê Trâm A và Nguyễn Lê Thái S cùng ngày 16/4/2026, các cháu đều có nguyện vọng ở với ba là ông H. Mặt khác, sau thời điểm ông H và bà L sống ly thân, cả 04 cháu đều do ông H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu cho đến nay. Ông H có điều kiện kinh tế ổn định, đủ điều kiện chăm sóc con chung. Sau khi ly hôn để không làm thay đổi tâm sinh lý của các cháu, việc giao các cháu M, Y, A và S cho ông H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi các cháu Nguyễn Lê Trà M, Nguyễn Lê Ngọc Y, Nguyễn Lê Trâm A và Nguyễn Lê Thái S. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bà L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bà L thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những phân tích như trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H đối với bị đơn bà Lê Thị L về việc: "Ly hôn và tranh chấp nuôi con".

- Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Lê Thị L.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16, quyển số 01/2009, do Ủy ban nhân dân xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 24/02/2009 cho ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị L không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao 04 người con chung tên: Nguyễn Lê Trà M, sinh ngày 22/01/2009; Nguyễn Lê Ngọc Y, sinh ngày 25/10/2010; Nguyễn Lê Trâm A, sinh ngày 01/01/2014 và Nguyễn Lê Thái S, sinh ngày 14/12/2015 cho ông Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Bà Lê Thị L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở bà Lê Thị L thực hiện các quyền, nghĩa vụ này. Khi cần thiết, vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E số 0020114 ngày 01/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Long Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kiều Oanh